TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DS-PT
Ngày 17 - 4 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; cư trú tại: Số 63/312, đường C, Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Ông Trần Hiển T1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Giang Tất Đ, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 63/311, đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1955; cư trú tại: Số 232/6, Đ, Tổ 2, Khu phố 1, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn K, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1945 (vắng mặt)

3. Chị Giang Thị N, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Số 63/311, đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú tại: Số 63/311, đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1975, bà T có sang nhượng của bà Bùi Thị T2 (hiện nay đã chết) phần đất ngang 17m, dài 29m và một căn nhà lá ngang 5m dài 10m tại đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B. Đến năm 1984, bà T mới mua căn nhà mới cách nhà cũ không xa và ở cho đến nay (nhà mới hiện tại ở đường C, Khóm 9, Phường 1, thành phố B). Nhà và đất tại Khóm 10, Phường 1 bà T đóng cửa, bỏ trống. Thời điểm này bà Nguyễn Thị Đ1 ở căn nhà cạnh bên nhà bà T. Đến năm 1997, bà Đ1 lợi dụng lúc nhà bà T bỏ trống đã lấn chiếm nhà và đất của bà T và sang bán cho ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H với phần đất ngang 4,5m, dài 29m và toàn bộ cấu trúc nhà trên đất. Sau khi nhận chuyển nhượng khoảng 01 năm thì ông Đ và bà H đã tháo dỡ nhà lá và xây dựng nhà kiên cố trên đất. Năm 2006, bà T khởi kiện bà Đ1 đòi phần đất có chiều ngang 17m, dài 29m tọa lạc tại Khóm 10, Phường 1, thị xã Bạc Liêu và được Tòa án nhân dân thị xã Bạc Liêu xét xử bằng Bản án số 10/2016/DSST ngày 20/01/2006 và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử bằng Bản án số 74/2006/DS-PT ngày 25/4/2006. Diện tích đất tranh chấp trong vụ án này có một phần đất đã được giải quyết tại hai bản án nêu trên. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà H trả lại quyền sử dụng đất ngang 4,5m, dài 29m tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 35 và cấu trúc căn nhà lá trên đất tọa lạc số 63/311, đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B.

Căn nhà lá trên đất có diện tích ngang 05m dài 10m; cấu trúc vách lá, mặt trước bằng ván gỗ, trần lá, cây cột gỗ địa phương, nền tráng xi măng, khi ông Đ và bà H xây dựng nhà thì đã phá bỏ hết cấu trúc nhà lá này. Do hiện trạng căn nhà đã không còn nên bà không yêu cầu Tòa án định giá mà bà tự ước lượng số tiền để xây dựng căn nhà là 20.000.000 đồng.

Bà T xác định diện tích đất đã được giải quyết bằng Bản án số 74/2006/DS-PT ngày 25/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu là 129,40m^2 có tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Hồ Bạch T có số đo là 3,07m + 6,01 + 15,92m;

Hướng Tây giáp đất đang tranh chấp có số đo là 3,10m + 6,04m + 16,02m;

Hướng Nam giáp đất đang tranh chấp có số đo là 0m.

Hướng Bắc giáp vỉa hè hiện trạng đường C có số đo là 4,45m.

Diện tích 55,60 m^2

Nay, bà T yêu cầu ông Đ, bà H trả lại cho bà quyền sử dụng diện tích đất theo biên bản đo đạc thực tế là 129,40m^2 và yêu cầu ông Đ và bà H bồi thường giá trị căn nhà lá với số tiền là 20.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Giang Thị N là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Giang Tất Đ, bà Phạm Thị H; người có quyền lợi, ngĩa vụ liên quan anh Trần Văn K đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Năm 1996 ông Giang Tất Đ, bà Phạm Thị H có sang nhượng của bà Nguyễn Thị Đ1 diện tích đất ngang 6,2m dài 27,5m tại Khóm 10, Phường 7, thị xã Bạc Liêu (nay là khóm 10, Phường 1, thành phố B) nhưng chỉ có ông Đ đứng tên sang nhượng. Vị trí đất này nằm cạnh nhà số 63/311 của bà Nguyễn Thị Đ1. Khi sang nhượng thì có làm Hợp đồng mua bán nhà đề ngày 29 tháng 10 năm 1996 đã được Ủy ban nhân dân phường 7 (cũ) xác nhận, giá chuyển nhượng là 6,2 cây vàng. Khi đó hiện trạng trên đất có cấu trúc căn nhà lá diện tích xây dựng ngang 4m, dài 6m nền đất, cây cột gỗ địa phương, sau đó từ năm 1996 đến năm 1997 ông Đ, bà H có tháo bỏ cấu trúc nhà lá này và xây dựng cấu trúc nhà trước như hiện nay, đến năm 2006 thì xây dựng cấu trúc nhà sau. Quá trình ông Đ, bà H xây dựng thì không có ai đến ngăn cản. Năm 2006, bà T khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ1 đòi đất và được Tòa án thị xã Bạc Liêu giải quyết bằng Bản án số 10/2006/DSST ngay 20/01/2006 và Tòa án tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm bằng Bản án số 74/2006/DS-PT ngày 25/4/2006. Phần diện tích đất mà bà T bị bác yêu cầu trong hai bản án nêu trên nằm trong phần diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 129,40 m^2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N xác định diện tích đất đã được giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 74/2006/DS-PT ngày 25/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nằm trong phần diện tích 129,40m^2 đang tranh chấp giữa bà T và ông Đ, bà H có tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Hồ Bạch T cố số đo là 3,07m + 6,01m + 15,92m.

Hướng Tây giáp đất đang tranh chấp có số đo là 3,10m + 6,04m + 16,02m.

Hướng Nam giáp đất đang tranh chấp có số đo là 0m.

Hướng Bắc giáp vỉa hè hiện trạng đường C có số đo là 4,45m.

Diện tích 55,60m^2.

Chị N xác định chị và các đương sự do chị đại diện không yêu cầu định giá và thống nhất với giá trị cấu trúc nhà lá mà bà T yêu cầu là 20.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông Đ, bà H, chị N, anh K không đồng ý trả cho bà T quyền sử dụng diện tích đất 129,40m^2, tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 35 và giá trị cấu trúc nhà lá trên đất với số tiền là 20.000.000 đồng cho bà T như bà T yêu cầu.

Tại bản tự khai, ông Ngô Phước H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Đ1 có từ trước năm 1975, ngoài diện tích căn nhà số 63/311 thì bà Đ1 có diện tích đất trống có hiện trạng là cái đìa nằm cạnh bên nhà số 63/311. Sau đó, bà Đ1 đã san lấp cái đìa này và đến năm 1996 thì bà Đ1 sang nhượng phần đất đã được san lấp có diện tích ngang 6,2m dài 27,5m cho ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H, giá chuyển nhượng là 6,2 cây vàng, khi bán có làm Hợp đồng mua bán nhà đề ngày 29 tháng 10 năm 1996 đã được Ủy ban nhân dân phường 7 (cũ) xác nhận. Khi bà Đ1 sang nhượng đất cho ông Đ và bà H thì trên đất có nhà của bà Đ1 với cấu trúc nhà lá diện tích ngang 5m, dài 8m, vách lá, cột gỗ địa phương nhà xây dựng kiểu chữ đinh dùng để làm nhà bếp. Quá trình ông Đ và bà H xây dựng thì không có ai ngăn cản. Năm 2006, bà T khởi kiện bà Đ1 đòi đất và được Tòa án nhân dân thị xã Bạc Liêu giải quyết bằng Bản án số 10/2006/DSST ngày 20/01/2006 và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm bằng bản án số 74/2006/DS-PT ngày 25/4/2006. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà Đ1 không đồng ý, bà Đ1 xác định đất tranh chấp trước đây có nguồn gốc của bà Đ1 và hiện nay thuộc quyền sử dụng của ông Đ và bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc D trình bày: Chị D là người thuê phía trước nhà số 63/311, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu của ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H, giá thuê mỗi tháng là 1.500.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không làm giấy tờ gì. Chị thuê để mở tiệm photo. Chị D xác định chị không xây dựng, sửa chữa gì trên đất này. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì chị D xác định không liên quan gì đến việc tranh chấp đất giữa bà T với ông Đ và bà H, nếu muốn lấy lại phần đất phía trước chị đang thuê thì chị D đồng ý trả phần đất này và không có yêu cầu gì.

Từ nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 128, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu ông Giang Tất Đ, bà Phạm Thị H trả lại quyền sử dụng diện tích đất 55,60m^2 thuộc thửa 04 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H trả lại quyền sử dụng diện tích đất 73,80m^2 thuộc thửa 04 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B và bồi hoàn giá trị căn nhà lá trên đất với số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, án phí, Luật thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T là ông Trần Hiển T1 trình bày ý kiến: Thực tế, bà T có đăng ký hộ khẩu ở địa chỉ gần phần đất tranh chấp; địa phương có xác nhận bà T2 có tháo dỡ nhà và đi nơi khác ở đồng thời trên đất hiện tại có các ngôi mộ của người thân bà T; điều đó cho thấy bà T có ở trên đất trước khi ông Đ, bà H ở. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế 129,40m^2 thuộc thửa số 4 tờ bản đồ số 35 đất tọa lạc tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B. Trong đó có diện tích 55,60m^2 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 74/2006/DS-PT ngày 25/4/2006. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H trả lại phần đất diện tích 129,40m^2 (chỉ còn lại diện tích 73,80m^2 chưa được giải quyết, trừ quy hoạch lộ giới 7,8m^2), thuộc thửa số 04 tờ bản đồ số 35 và bồi thường giá trị căn nhà trên đất bằng số tiền 20.000.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp theo bà T xác định do bà T nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị T2 vào năm 1975 (nay bà T2 đã chết). Sau khi nhận chuyển nhượng bà T không kê khai đăng ký và cũng không quản lý và sử dụng đất. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T đưa ra người làm chứng là bà T2. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2006 (bút lục số 55), bà T2 xác định bà không sang bán đất cho ai mà chỉ cho phần đất trên cho ông Thầy (không biết tên). Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà T xác định, quá trình ông Đ quản lý sử dụng nhà đất từ năm 1996 và đến năm 2004 xây dựng nhà kiên cố thì bà T có ngăn cản và trình báo chính quyền địa phương. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2005 (bút lục số 225) có sự mâu thuẫn, bà T xác định khi ông Đ ở trên đất và xây dựng nhà kiên cố thì bà T có biết nhưng không có ngăn cản.

[3] Ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H xác định phần đất tranh chấp (bao gồm nhà và đất), ông Đ nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Đ1, khi chuyển nhượng hai bên có làm hợp đồng ngày 29/10/1996 và được Ủy ban nhân dân phường 7, thị xã Bạc Liêu xác nhận (bút lục số 65). Căn cứ bảng tổng hợp thửa chính thức năm 1997, bản đồ địa chính năm 1997, thể hiện ông Đ đứng tên chủ sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp. Ông Đ và bà H đã xây dựng nhà kiên cố trên đất và sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sư: "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*", đối chiếu với quy định trên trong suốt quá trình Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng

minh cho yêu cầu đòi đất của bà T là có căn cứ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi đất và bồi thường giá trị căn nhà trên đất của bà T là phù hợp.

[5] Đối với phần đất có diện tích 55,60m^2 thuộc thửa 04 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, bà T yêu cầu ông Đ và bà H trả đã được Tòa án giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án dân sự phúc thẩm số 74/2006/DS-PT ngày 25/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của bà T là đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 128, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu ông Giang Tất Đ, bà Phạm Thị H trả lại quyền sử dụng đất diện tích 55,60m^2 thuộc thửa 04 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Giang Tất Đ và bà Phạm Thị H trả lại quyền sử dụng đất diện tích 73,80m^2 thuộc thửa 04 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại đường C, Khóm 10, Phường 1, thành phố B và bồi hoàn giá trị căn nhà lá trên đất với số tiền 20.000.000 đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.030.000 đồng, bà T đã nộp xong.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS tp. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều